

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho Quý 2 năm 2017*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>2 – 26</b>
Bảng cân đối kế toán	2 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9– 26

11/5/2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>84.349.027.988</b>	<b>77.850.131.763</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.427.877.947</b>	<b>5.505.249.071</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.427.877.947	5.505.249.071
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.754.171.720</b>	<b>51.305.685.450</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	51.407.942.251	49.867.244.212
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.846.229.469	1.335.617.723
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	500.000.000	102.823.515
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>9.519.845.388</b>	<b>4.153.548.855</b>
1.	Hàng tồn kho	141		9.519.845.388	4.153.548.855
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.603.653.508</b>	<b>16.885.648.387</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	1.949.171.124	122.086.247
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	16.654.482.384	16.763.562.140
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>63.944.752.408</b>	<b>42.464.620.535</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.479.425</b>	<b>43.479.425</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	43.479.425	43.479.425
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.471.921.967</b>	<b>34.175.913.668</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	40.471.921.967	34.175.913.668
	- Nguyên giá	222		64.382.657.263	57.012.890.741
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.910.735.296)	(22.836.977.073)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	-	<b>1.610.169.837</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.610.169.837
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>17.869.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		17.119.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.603.830.441</b>	<b>6.435.057.605</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	5.603.830.441	6.435.057.605
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>148.293.780.396</b>	<b>120.314.752.298</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>91.254.402.001</b>	<b>66.423.849.288</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.200.047.426</b>	<b>58.947.169.713</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	31.579.965.793	30.343.211.431
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	638.830.814	523.872.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	874.130.069	2.138.613.998
4.	Phải trả người lao động	314		1.420.305.408	1.237.447.478
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	74.727.270	95.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	476.459.389	357.882.509
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	49.135.628.683	24.251.141.697
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.054.354.575</b>	<b>7.476.679.575</b>
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	7.054.354.575	7.476.679.575
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.039.378.395</b>	<b>53.890.903.010</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>57.039.378.395</b>	<b>53.890.903.010</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.039.378.395	8.890.903.010
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		8.890.903.010	5.750.940.153
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.148.475.385	3.139.962.857
3.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>148.293.780.396</b>	<b>120.314.752.298</b>

Hà Nam, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Thị Thu Hà

Hoàng Hạnh phúc

Lê Hoài An

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2017**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>35.678.726.513</b>	<b>32.897.361.610</b>	<b>66.935.395.531</b>	<b>60.367.501.960</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02		-		-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>35.678.726.513</b>	<b>32.897.361.610</b>	<b>66.935.395.531</b>	<b>60.367.501.960</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	30.432.939.271	26.545.433.206	56.940.279.204	48.253.331.107
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.245.787.212</b>	<b>6.351.928.404</b>	<b>9.995.116.327</b>	<b>12.114.170.853</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	476.066	718.916	1.754.641	1.812.713
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	951.077.994	690.422.470	1.770.219.392	1.294.182.733
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>951.077.994</i>	<i>690.422.470</i>	<i>1.770.219.392</i>	<i>1.288.262.019</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.030.770.492	1.011.380.724	2.250.499.917	2.597.492.036
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.026.608.320	858.904.668	2.008.298.588	1.996.917.875
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.236.854.340</b>	<b>3.791.939.458</b>	<b>3.967.853.071</b>	<b>6.227.390.922</b>
11.	Thu nhập khác	31			127.272.727		
12.	Chi phí khác	32	VI.06	21.040.369	243.231.853	25.807.072	116.812.781
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(21.040.369)</b>	<b>(115.959.126)</b>	<b>(25.807.072)</b>	<b>(116.812.781)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.215.813.971</b>	<b>3.675.980.332</b>	<b>3.942.045.999</b>	<b>6.110.578.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	447.370.868	735.196.066	793.570.614	1.222.115.628
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.763.676.400</b>	<b>2.940.784.266</b>	<b>3.148.475.385</b>	<b>4.888.462.513</b>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	392	634	700	1.086
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	392	634	700	1.086

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Giám đốc



Lê Hoài An

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.203.195.264	60.164.501.905
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(64.148.273.455)	(41.223.793.716)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.035.148.045)	(6.179.733.501)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(1.770.219.392)	(1.287.088.344)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.192.146.125)	(1.688.793.417)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		(101.759.879)	92.787.834
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.039.200.354)	(3.193.960.125)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.880.032.228)</b>	<b>6.683.920.636</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.992.255.523)	(14.032.560.555)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			127.272.727
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1.125.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			1.125.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.169.000.000)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.500.000.000	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1.812.713
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(22.659.500.882)</b>	<b>(13.903.475.115)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33		68.588.558.686	45.004.288.912
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.776.396.700)	(37.902.737.924)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>24.462.161.986</b>	<b>7.101.550.988</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.077.371.124)</b>	<b>(118.003.491)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.505.249.071</b>	<b>4.699.272.510</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>1.427.877.947</b>	<b>4.581.269.019</b>

Hà Nam, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Đinh Thị Thu Hà

Hoàng Hạnh Phúc

Lê Hoài An

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2017**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phần phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong năm.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	457.600.258	640.182.059
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	970.277.689	4.865.067.012
<b>Cộng</b>	<b>1.427.877.947</b>	<b>5.505.249.071</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	750.000.000	-	750.000.000	200.000.000	-	200.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh (*)	750.000.000	-	750.000.000	200.000.000	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>750.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>

(\*) Trong năm Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh, tỷ lệ cam kết góp vốn của Công ty là 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh (Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng Việt Nam)

*Đầu tư góp vốn vào công ty con*

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào	17.119.000.000	-	17.119.000.000	0	-	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

công ty con						
+ Công ty TNHH						
sản xuất gạch	17.119.000.000	-	17.119.000.000	0	-	0
Khang Minh (*)						
<b>Cộng</b>	<b>17.119.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.119.000.000</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>0</b>

(\*) Trong Quý 2 Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV An Thành Phát Hà Nam (nay đổi tên thành Công ty TNHH sản xuất gạch Khang Minh) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp Số 01/2017/HĐCN ký ngày 19/04/2017 với giá chuyển nhượng là **6.937.000.000 đồng** và Công ty CP gạch Khang Minh đã góp bổ sung vốn điều lệ của Công ty TNHH sản xuất gạch Khang Minh là **10.182.000.000 đồng** (Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng Việt Nam).

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>51.407.942.251</b>	<b>49.867.244.212</b>
- Công ty CP Gạch Đoàn Minh Công	7.670.734.357	13.393.921.437
- Công ty Thành An 116 - Tổng công ty Thành An	2.198.230.713	2.278.230.713
- Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp Delta	1.614.702.705	2.655.411.366
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	39.924.274.476	31.539.680.696
<b>Cộng</b>	<b>51.407.942.251</b>	<b>49.867.244.212</b>

Đơn vị tính: VND

**04. Trả trước cho người bán**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>1.335.617.723</b>
- Công ty TNHH Vật liệu nhiệt Phát Lộc	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Nguyễn Minh	0	1.000.000.000
- Công ty TNHH đầu tư BĐS Ngôi Sao Việt	1.817.294.712	
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	928.934.757	235.617.723
<b>Cộng</b>	<b>2.846.229.469</b>	<b>1.335.617.723</b>

**05. Phải thu khác**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>500.000.000</b>	-	<b>102.823.515</b>	-
- Tạm ứng	-	-	101.759.879	-
- Phải thu khác	-	-	1.063.636	-
+ Thuế TNCN của cá nhân cho vay		-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	500.000.000	-	1.063.636	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>43.479.425</b>	-	<b>43.479.425</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	43.479.425	-	43.479.425	-
<b>Cộng</b>	<b>543.479.425</b>	-	<b>146.302.940</b>	-

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối quý	Số đầu năm
--	-------------	------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	5.213.685.783	-	1.771.239.479	-
- Công cụ, dụng cụ	309.208.667	-	44.317.468	-
- Thành phẩm	3.996.950.938	-	2.337.991.908	-
<b>Cộng</b>	<b>9.519.845.388</b>	<b>-</b>	<b>4.153.548.855</b>	<b>-</b>

**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	<i>1.610.169.837</i>
- Bãi dưỡng gạch	-	1.610.169.837
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.610.169.837</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.138.403.005</i>	<i>34.282.678.655</i>	<i>7.995.818.172</i>	<i>847.772.727</i>	<i>748.218.182</i>	<i>57.012.890.741</i>
- Mua trong năm	3.203.394.522	6.190.100.000	810.000.000	-	-	10.203.494.522
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	2.833.728.000	-	-	-	2.833.728.000
<i>Số dư cuối quý</i>	<i>16.341.797.527</i>	<i>37.639.050.650</i>	<i>8.805.818.177</i>	<i>847.772.727</i>	<i>748.218.182</i>	<i>64.382.657.263</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>6.741.131.957</i>	<i>13.649.077.904</i>	<i>1.704.289.486</i>	<i>133.863.631</i>	<i>608.614.095</i>	<i>22.836.977.073</i>
- Khấu hao trong năm	758.060.030	2.386.784.979	663.893.231	56.920.452	41.827.531	3.907.486.223
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	2.833.728.000	-	-	-	2.833.728.000
<i>Số dư cuối quý</i>	<i>7.499.191.987</i>	<i>13.202.134.883</i>	<i>2.368.182.717</i>	<i>190.784.083</i>	<i>650.441.626</i>	<i>23.910.735.296</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>6.397.271.048</i>	<i>20.633.600.751</i>	<i>6.291.528.686</i>	<i>713.909.096</i>	<i>139.604.087</i>	<i>34.175.913.668</i>
<i>2. Tại ngày cuối quý</i>	<i>8.842.605.540</i>	<i>24.436.915.772</i>	<i>6.437.635.460</i>	<i>656.988.644</i>	<i>97.776.556</i>	<i>40.471.921.967</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết và được thanh lý là 2.833.728.000 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.764.777.429 đồng và 9.617.509.571 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Hợp tác – Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.949.171.124</b>	<b>122.086.247</b>
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng	51.377.905	51.377.905
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.897.793.219	70.708.342
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.603.830.441</b>	<b>6.435.057.605</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.838.882.511	3.620.116.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.764.947.930	2.796.607.638
- Các khoản khác		18.333.329
<b>Cộng</b>	<b><u>7.553.001.565</u></b>	<b><u>6.557.143.852</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối quý	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>24.251.141.697</b>	<b>24.251.141.697</b>	<b>65.756.765.686</b>	<b>40.872.278.700</b>	<b>49.135.628.683</b>	<b>49.135.628.683</b>
- Vay ngân hàng	24.251.141.697	24.251.141.697	57.456.765.686	40.872.278.700	40.835.628.683	40.835.628.683
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch (a)	10.267.051.829	10.267.051.829	7.389.049.028	10.267.051.829	7.389.049.028	7.389.049.028
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (b)	13.067.589.868	13.067.589.868	50.067.716.658	29.688.726.871	33.446.579.655	33.446.579.655
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Kinh Đô	916.500.000	916.500.000		916.500.000	916.500.000	916.500.000
<b>Vay cá nhân</b>			<b>8.300.000.000</b>		<b>8.300.000.000</b>	<b>8.300.000.000</b>
+ Đặng Việt Lê- Chủ tịch HĐQT			8.300.000.000		8.300.000.000	8.300.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>7.476.679.575</b>	<b>7.476.679.575</b>	<b>2.831.793.000</b>	<b>3.254.118.000</b>	<b>7.054.354.575</b>	<b>7.054.354.575</b>
Vay dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
Từ 1 năm đến 5 năm	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
- Vay ngân hàng	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch (c)	4.071.550.000	4.071.550.000		2.266.880.000	1.804.670.000	1.804.670.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (d)	3.405.129.575	3.405.129.575	2.831.793.000	987.238.000	5.249.684.575	5.249.684.575
<b>Cộng</b>	<b>31.727.821.272</b>	<b>31.727.821.272</b>	<b>68.588.558.686</b>	<b>44.126.396.700</b>	<b>56.189.983.258</b>	<b>56.189.983.258</b>

(a): Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HM00000008/HỆTD ngày 29 tháng 6 năm 2011. Khoản vay này được đảm bảo bởi 01 bất động sản tại số 24 tổ 49 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Đình Kim và bà Lương Thị Xuân Phương. Lãi suất vay trong năm là 9%/năm - 10%/năm.

(b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 47.15.770.2297527.TD ngày 20 tháng 3 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 01 bất động sản tại tổ 17, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Năm và bà Nguyễn Thị Xuyên và quyền sử dụng đất thuê đã trả tiền trước theo hợp đồng thuê đất số 10/HĐTD ngày 28/02/2011 Lãi suất vay trong năm là 7.5% năm.

(c): Khoản vay Ngân hàng Hợp tác – Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng trung hạn số DHA 0500031/HĐTD ngày 07 tháng 3 năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay trong năm là 8%/năm – 10,8%/năm.

(d): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam theo các hợp đồng tín dụng số 111.15.770.2297527.TD ngày 07/10/2015; số 69940.15.770.2297527.TD ngày 26/10/2015; số 78902.15.770.2297527.TD ngày 28/10/2015; số 16450.16.770.2297527.TD ngày 28/4/2016; số 18271.16.770.2297527.TD ngày 10/5/2016 và số 2790.16.770.2297527.TD ngày 26/01/2016 để mua tài sản cố định và được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay trong năm là 10%/năm - 10,5%/năm.

Đơn vị tính: VND

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>31.579.965.793</b>	<b>31.579.965.793</b>	<b>30.343.211.431</b>	<b>30.343.211.431</b>
- Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	2.542.050.238	2.542.050.238	1.739.277.068	1.739.277.068
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thăng Long	7.750.578.699	7.750.578.699	8.282.932.440	8.282.932.440
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Mai	1.377.000.000	1.377.000.000	1.781.500.000	1.781.500.000
- Công ty CP Vận tải Vijasun Hà Nam	2.590.141.789	2.590.141.789	7.096.273.923	7.096.273.923
- Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Nguyên Minh	2.955.856.292	2.955.856.292	3.616.077.549	3.616.077.549
- Công ty CP Đoàn Minh Công	6.563.120.200	6.563.120.200	2.028.343.200	2.028.343.200
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	23.778.747.218	23.778.747.218	5.798.807.251	5.798.807.251
<b>Cộng</b>	<b>31.579.965.793</b>	<b>31.579.965.793</b>	<b>30.343.211.431</b>	<b>30.343.211.431</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>638.830.814</b>	<b>638.830.814</b>	<b>523.872.600</b>	<b>523.872.600</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Xây dựng Hương Giang số 1	278.980.548	278.980.548	278.980.548	278.980.548
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tất Hồng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	135.525.000	135.525.000	135.525.000	135.525.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	124.325.266	124.325.266	9.367.052	9.367.052
<b>Cộng</b>	<b>638.830.814</b>	<b>638.830.814</b>	<b>523.872.600</b>	<b>523.872.600</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	946.467.873	6.693.539.558	7.568.327.007	-	71.680.424
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.192.146.125	793.570.614	1.192.146.125	-	793.570.614
- Thuế thu nhập cá nhân	3.332.852	-	12.211.883	-	-	8.879.031
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	16.760.229.288	-	105.746.904	-	16.654.482.384	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.763.562.140</b>	<b>2.138.613.998</b>	<b>7.608.068.959</b>	<b>8.763.473.132</b>	<b>16.707.355.836</b>	<b>673.474.042</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	74.727.270	95.000.000
- Trích trước chi phí khác	74.727.270	95.000.000
<b>Cộng</b>	<b>74.727.270</b>	<b>95.000.000</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	476.459.389	357.882.509
- Kinh phí công đoàn	221.207.713	181.824.553
- Bảo hiểm xã hội	255.251.676	176.057.956
<b>Cộng</b>	<b>476.459.389</b>	<b>357.882.509</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>5.750.940.153</b>	<b>50.750.940.153</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	3.139.962.857	3.139.962.857
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>8.890.903.010</b>	<b>53.890.903.010</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>8.890.903.010</b>	<b>53.890.903.010</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	3.148.475.385	3.148.475.385
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>12.039.378.395</b>	<b>57.039.378.395</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Vốn góp của các đối tượng khác	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100
- Ông Đặng Việt Lê	15.000.000.000	33	15.000.000.000	33
- Ông Phạm Quang Anh	-	-	-	-
- Ông Lê Hoài An	1.500.000.000	3	1.500.000.000	3
- Các cổ đông khác	28.500.000.000	64	28.500.000.000	64
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	35.678.726.513	32.897.361.610
<b>Cộng</b>	<b>35.678.726.513</b>	<b>32.897.361.610</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Hàng bán bị trả lại		
<b>Cộng</b>		

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.432.939.271	26.545.433.206
<b>Cộng</b>	<b>30.432.939.271</b>	<b>26.545.433.206</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	476.066	718.916
<b>Cộng</b>	<b><u>476.066</u></b>	<b><u>718.916</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Lãi tiền vay	951.077.994	690.422.470
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>951.077.994</u></b>	<b><u>690.422.470</u></b>

**06. Chi phí khác**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Lỗ từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi nộp chậm bảo hiểm	17.365.310	3.311.099
- Phạt chậm nộp thuế	1.741.762	240.774.409
- Các khoản khác	6.700.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>25.807.072</u></b>	<b><u>244.085.508</u></b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
<b><i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i></b>	<b><i>1.026.608.320</i></b>	<b><i>858.904.668</i></b>
- Chi phí nhân viên quản lý	354.935.625	376.746.480
- Chi phí vật liệu quản lý	178.881.732	145.405.412
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.460.226	28.460.226
- Thuế, phí và lệ phí		9.795.880
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.328.115	71.830.171
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	406.002.622	226.666.499
<b><i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i></b>	<b><i>1.030.770.492</i></b>	<b><i>1.011.380.724</i></b>
- Chi phí nhân viên	712.348.370	515.512.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.895.183	282.186.818
- Các khoản chi phí bán hàng khác	209.526.939	213.681.406
<b>Cộng</b>	<b><u>2.057.378.812</u></b>	<b><u>1.870.285.392</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	447.370.868	735.196.066
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>447.370.868</u></b>	<b><u>735.196.066</u></b>

**(\*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.488.233.139	3.675.980.332
+ Lãi chậm nộp bảo hiểm và thuế		
+ Chi phí không được trừ khác	21.040.369	2.457.444
Các khoản điều chỉnh giảm	727.580.832	
+ Chuyển lỗ các năm trước		
Thu nhập chịu thuế TNDN		
Thuế suất 20%	2.236.854.340	3.678.437.776
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>20%</u></b>	<b><u>20%</u></b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.040.862.271	2.940.784.266
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.040.862.271	2.940.784.266
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>231</u></b>	<b><u>634</u></b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Quý II/2016</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.040.862.271	2.940.784.266
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.040.862.271	2.940.784.266
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	4.500.000	4.500.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>231</u></b>	<b><u>634</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Quý II/2017</b>	<b>Quý II/2016</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.899.614.738	12.982.638.502
- Chi phí nhân công	3.559.478.156	1.916.022.293
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.033.824.601	1.540.758.493
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	780.639.205	491.905.427
- Chi phí khác bằng tiền	83.887.693	122.935.270
<b>Cộng</b>	<b>21.357.444.393</b>	<b>17.054.259.985</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không còn số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất gạch không nung.

***Khu vực địa lý:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối quý		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.427.877.947	-	1.427.877.947	-	1.427.877.947	5.505.249.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.907.942.251	-	51.907.942.251	-	51.907.942.251	49.868.307.848
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.235.820.198</b>	<b>-</b>	<b>53.235.820.198</b>	<b>-</b>	<b>53.235.820.198</b>	<b>55.373.556.919</b>
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả cho người bán	31.579.965.793	30.343.211.431	31.579.965.793	30.343.211.431		
Vay và nợ	56.189.983.258	31.727.821.272	56.189.983.258	31.727.821.272		
Chi phí phải trả	74.727.270	95.000.000	74.727.270	95.000.000		
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>87.844.676.321</b>	<b>62.166.032.703</b>	<b>87.844.676.321</b>	<b>62.166.032.703</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối quý</b>				
Phải trả cho người bán	31.579.965.793	-	-	31.579.965.793
Vay và nợ	49.135.628.683	7.054.354.575	-	56.189.983.258
Chi phí phải trả	74.727.270	-	-	74.727.270
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>80.790.321.746</b>	<b>7.054.354.575</b>	<b>-</b>	<b>87.844.676.321</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	30.434.211.431	-	-	30.434.211.431
Vay và nợ	24.251.141.697	7.476.679.575	-	31.727.821.272
Chi phí phải trả	95.000.000	-	-	95.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>54.780.353.128</b>	<b>7.476.679.575</b>	<b>-</b>	<b>62.166.032.703</b>

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

## **09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nam, ngày 18 tháng 07 năm 2017

**Người lập biểu**

**Đinh Thị Thu Hà**

**Kế toán trưởng**

**Hoàng Hạnh Phúc**

**Giám đốc**



**Lê Hoài An**

